



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thanh Hoa - Sông Đà

Ngày 31/12/2025	12,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	-

DT thuần Q4/25
86.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.5 28.9%
YoY: ▲ 26.3 43.4%

LN thuần Q4/25
-0.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 0.23
YoY: ▼ 0.47 -195%

LN sau thuế Q4/25
-0.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 0.28 -167%
YoY: ▼ 0.44 -135%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
1.4%
YoY: +/- ▲ 0.0%

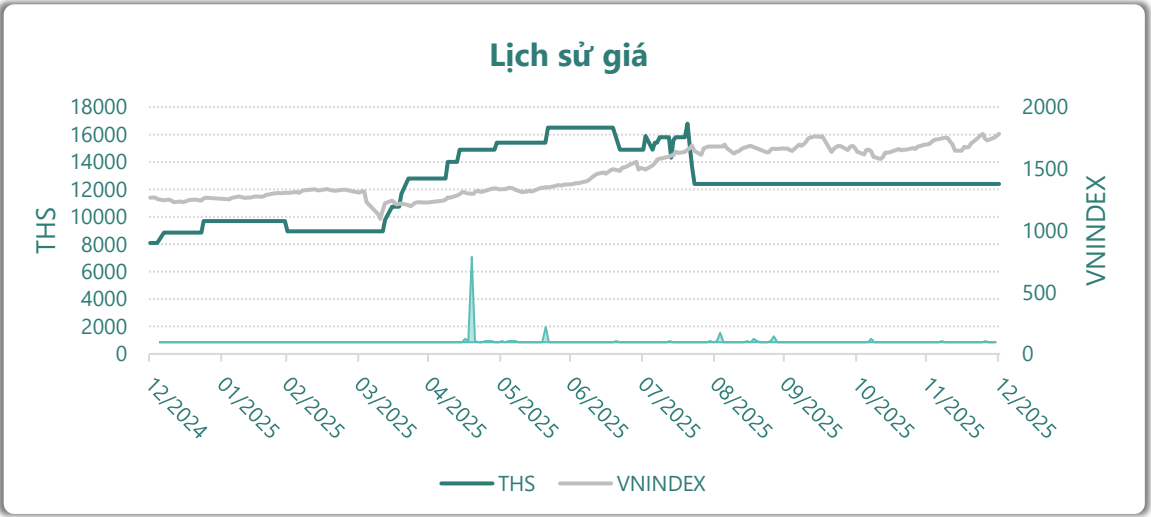
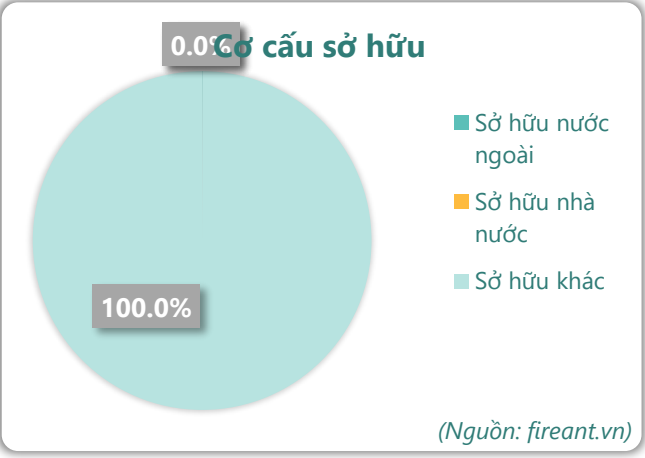
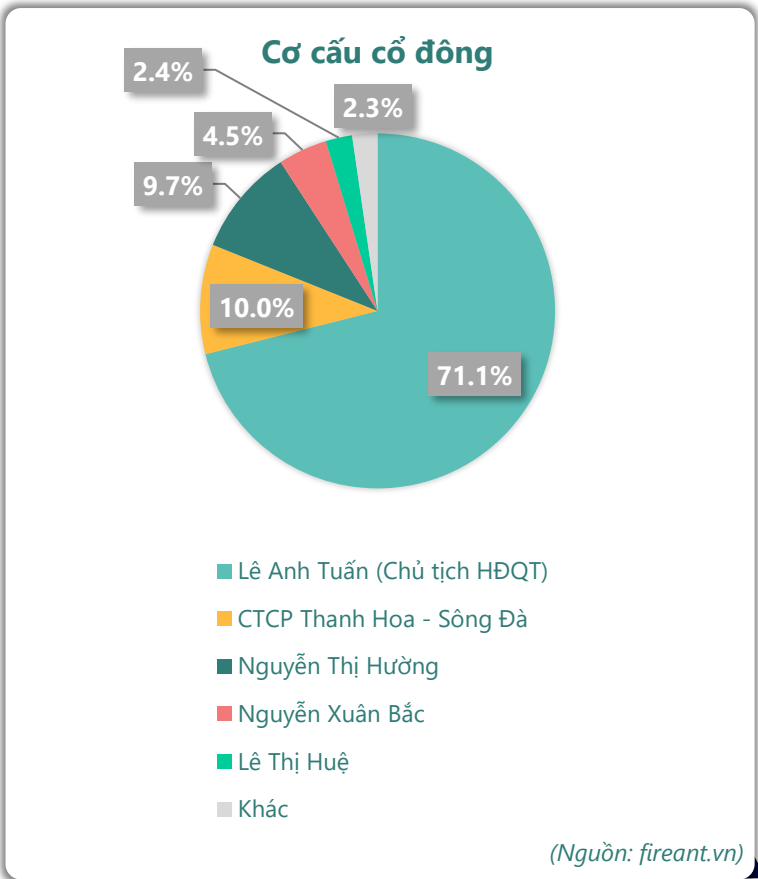
ROE 2025
1.3%
YoY: +/- ▼ 1.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,094 - 16,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	33
Số lượng CPLH (CP)	2,700,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.30
EPS	188
P/E	65.8

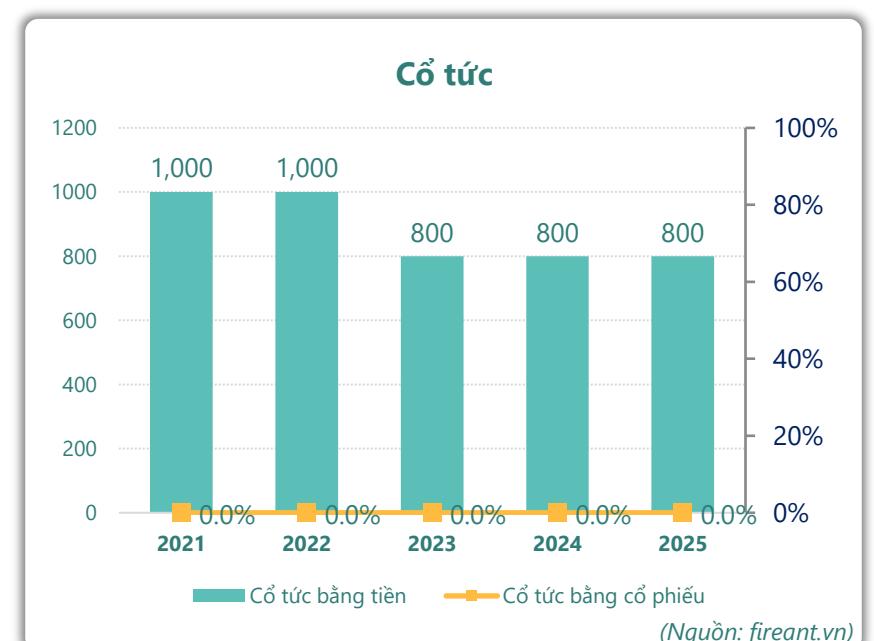
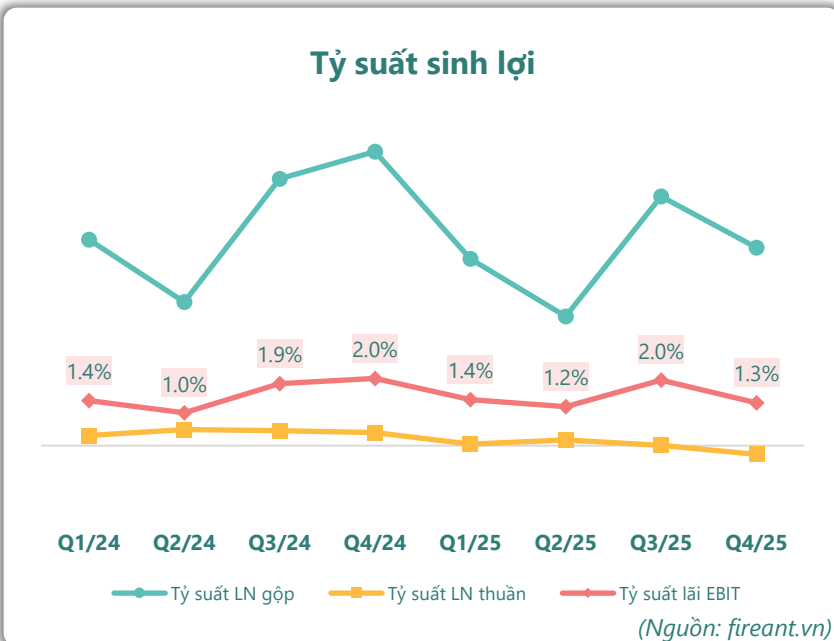
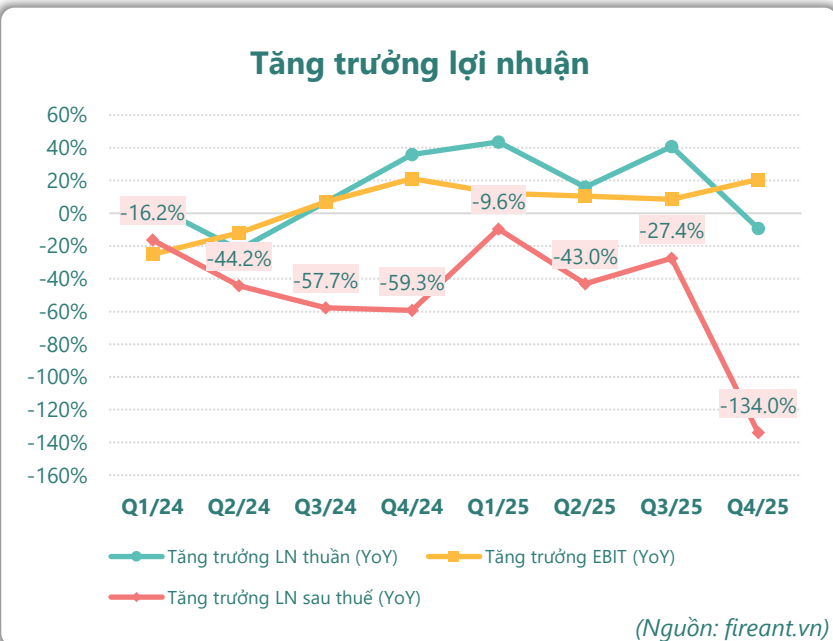
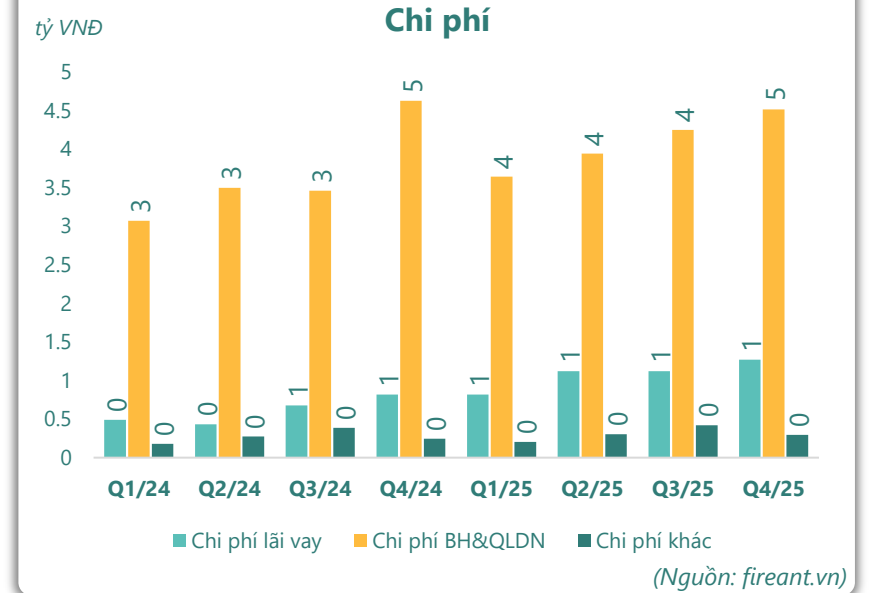
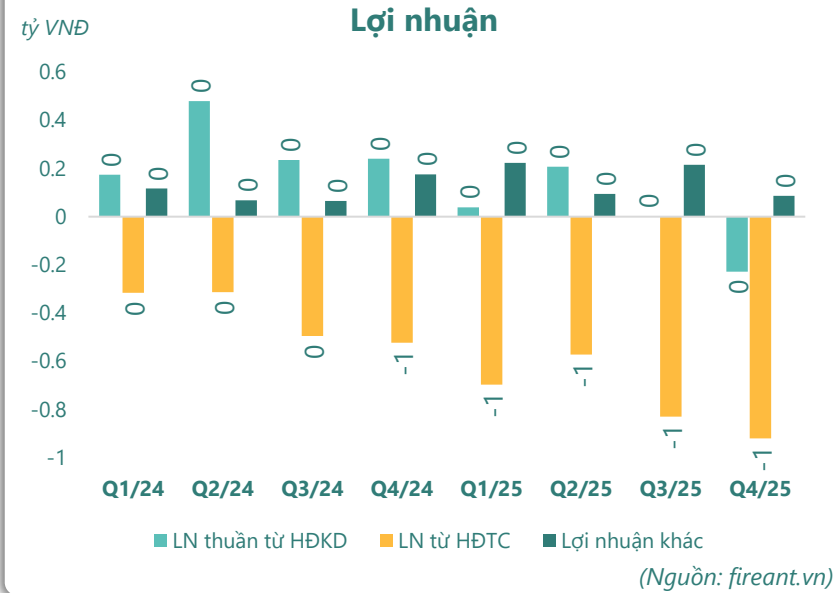
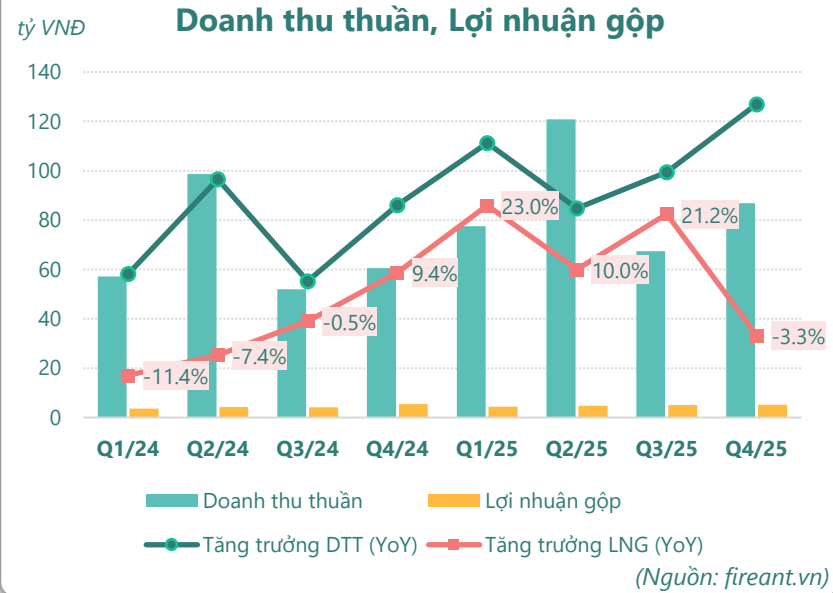
DT thuần 2025
353
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 85.0 31.4%

LN thuần 2025
0.02
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 0.92 -97.8%

LN sau thuế 2025
0.51
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 0.58 -53.3%



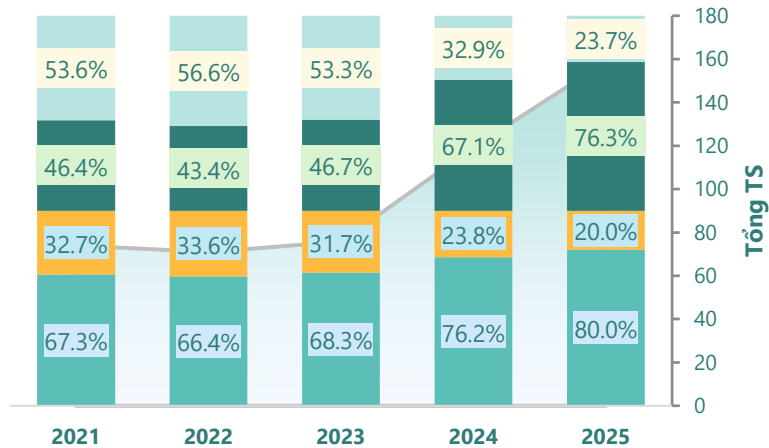
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

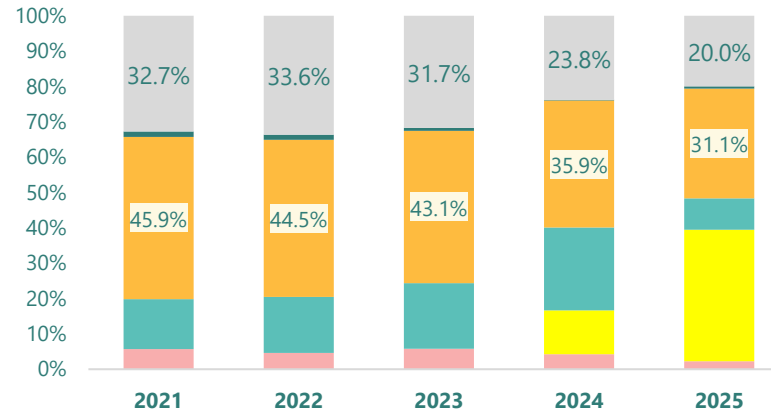
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

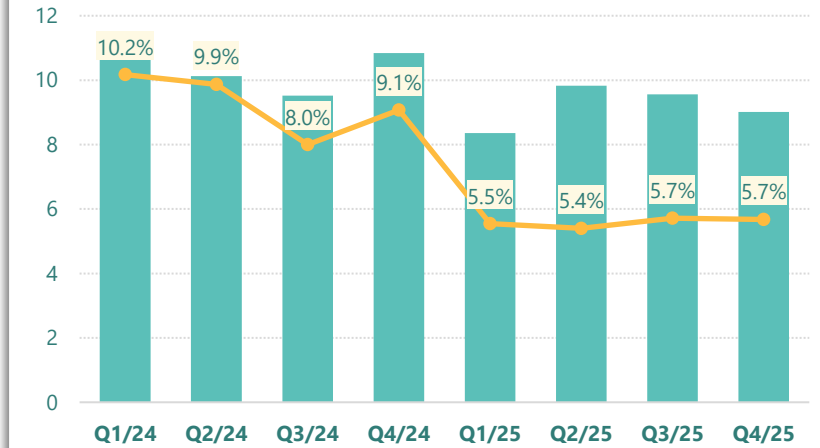


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

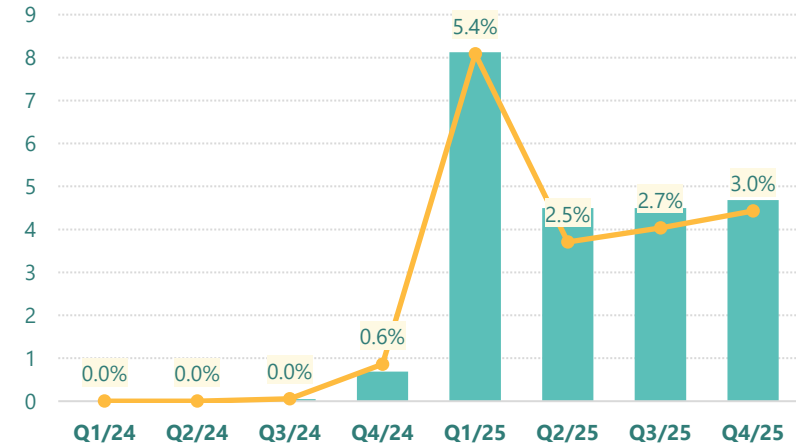


■ Tài sản cố định ■ TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

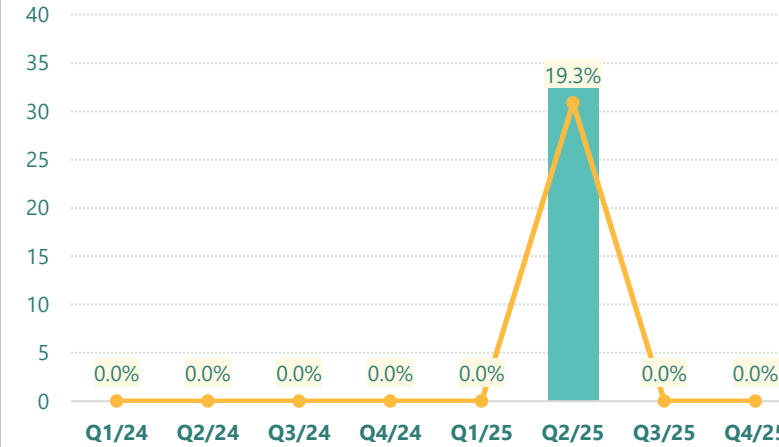


■ Tài sản dở dang ■ TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

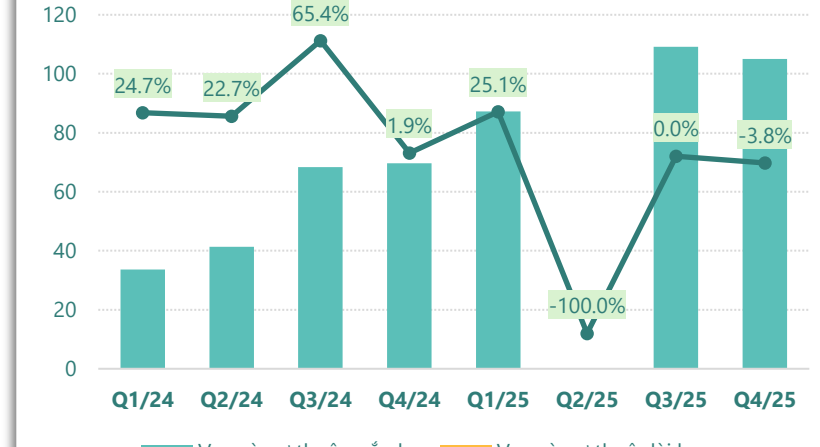


■ Đầu tư tài chính dài hạn ■ ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

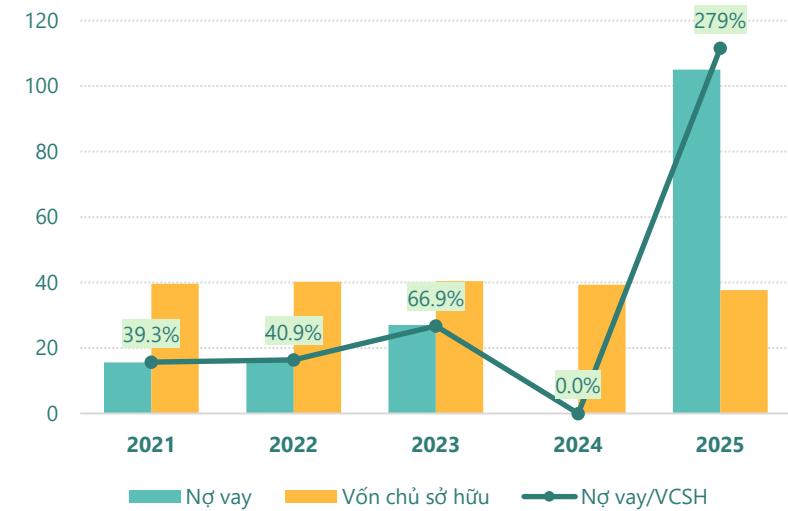
● Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

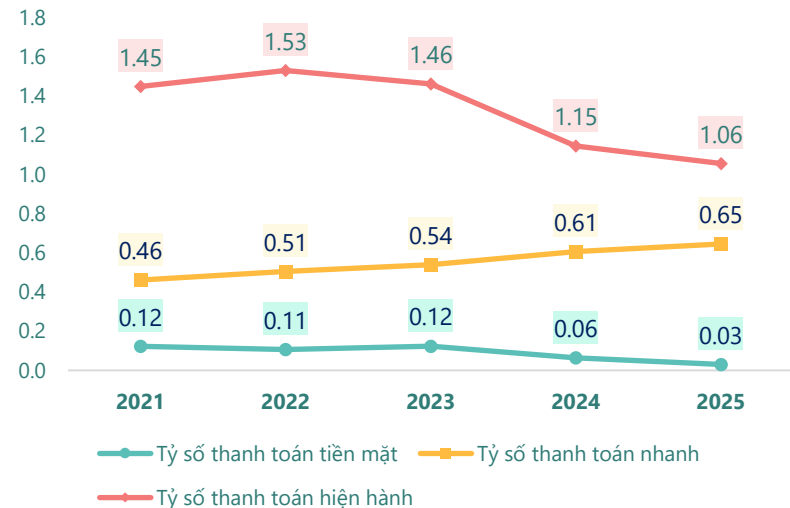
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



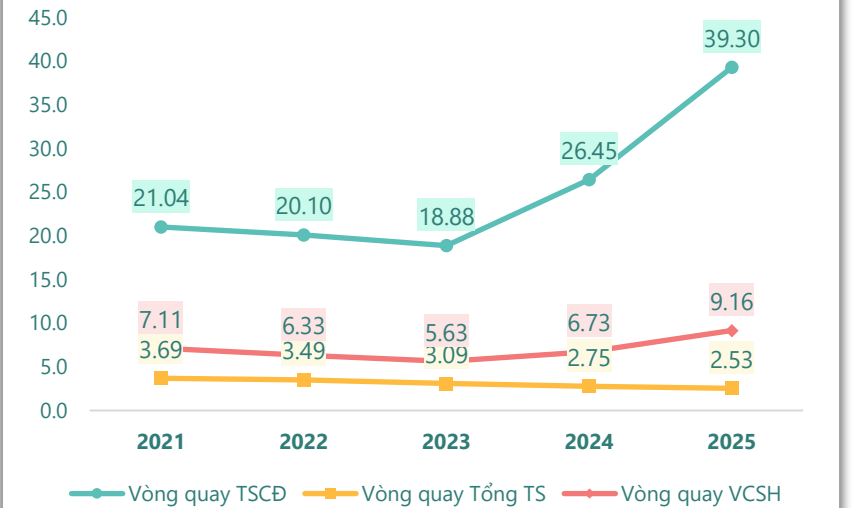
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



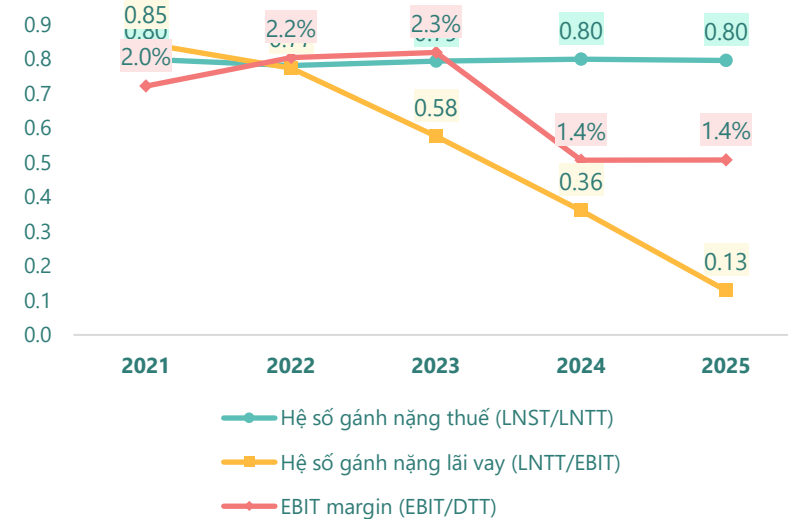
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



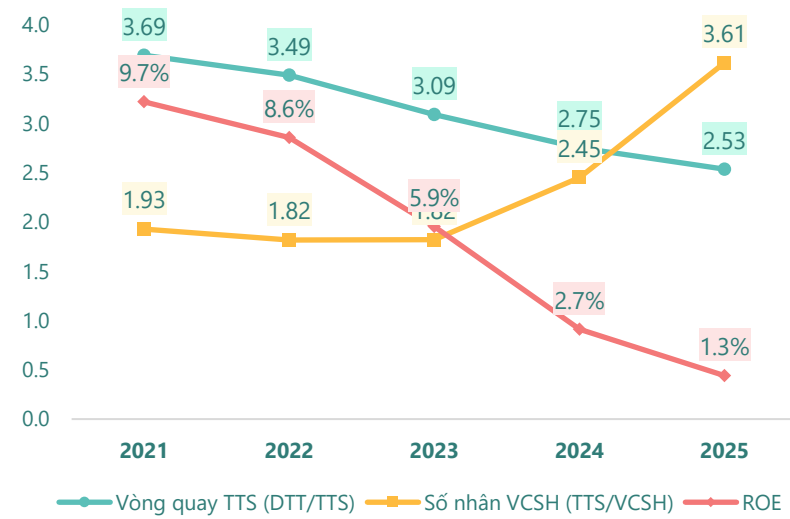
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



(Nguồn: fireant.vn)

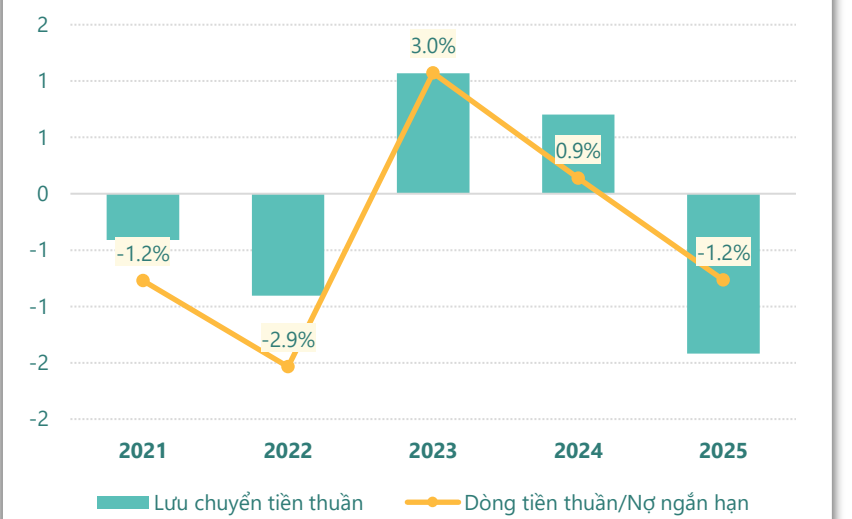
Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	86.9	60.6	43.4%	353	268	31.4%
Giá vốn hàng bán	81.7	55.2	48.0%	333	251	32.7%
Lợi nhuận gộp	5.21	5.39	-3.3%	19.4	17.2	12.5%
Doanh thu HĐTC	0.35	0.29	20.5%	1.31	0.77	70.7%
Chi phí TC	1.27	0.82	54.9%	4.33	2.42	79.2%
Chi phí lãi vay	1.27	0.82	54.9%	4.33	2.42	79.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.82	3.19	-11.7%	10.1	9.89	1.8%
Chi phí QLDN	1.70	1.43	18.9%	6.29	4.77	31.9%
LN thuần từ HĐKD	-0.23	0.24	-195%	0.02	0.94	-97.8%
Lợi nhuận khác	0.09	0.18	-52.1%	0.62	0.42	45.7%
LN trước thuế	-0.14	0.42	-134%	0.64	1.36	-53.0%
Lợi nhuận sau thuế	-0.11	0.33	-135%	0.51	1.09	-53.3%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.11	0.33	-135%	0.51	1.09	-53.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.29	1.09	-20.0	25.4	-38.9	6.69
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.1	-2.61	-0.97	-34.6	27.8	-0.19
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	26.9	1.32	17.5	13.1	6.70	-4.14
Tiền đầu kỳ	5.75	5.26	5.06	1.66	5.63	1.28
Lưu chuyển tiền thuần	-0.49	-0.19	-3.40	3.97	-4.35	2.36
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.26	5.06	1.66	5.63	1.28	3.64

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	159	119	33.1%
Tài sản ngắn hạn	127	91.0	39.7%
Tiền và tương đương tiền	3.64	5.06	-28.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	59.0	14.9	297%
Phải thu ngắn hạn	14.0	27.9	-49.7%
Hàng tồn kho	49.4	42.9	15.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.91	0.24	285%
Tài sản dài hạn	31.8	28.4	11.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.01	8.93	0.9%
Bất động sản đầu tư	16.3	9.77	66.5%
Tài sản dở dang	4.69	7.27	-35.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.81	2.43	-25.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	121	80.0	51.4%
Nợ ngắn hạn	120	79.4	51.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	105	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	13.7	9.41	45.1%
Nợ dài hạn	0.83	0.64	31.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	37.7	39.3	-4.2%
Vốn chủ sở hữu	37.7	39.3	-4.2%
Vốn điều lệ	30.0	30.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

